

Bản án số: 110/2017/HSST

Ngày: 26/10/2017

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH - THÁI NGUYÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Ông Nguyễn Hồng Hà

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Chiều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà:** Bà Vi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 92/2017/HSST ngày 03/10/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXX ngày 10/10/2017 đối với bị cáo:

**Trần Đức M;** Tên gọi khác: Không; sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã Trung Th, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Ngọc Th (đã chết); con bà Lê Thị V, sinh năm 1954, trú tại: xóm T, xã Trung Th, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Bị cáo có 03 anh, em ruột, M là con thứ nhất; có vợ là Đặng Thị Thu H, sinh năm 1985, vợ chồng có 02 con chung: con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không (theo danh bản, chỉ bản số: 213 do Công an thị xã Phổ Yên lập ngày 25/8/2017).

Nhân thân:

+ Ngày 07/5/2002, phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tại bản án HSPT số 228/HSPT ngày 16/10/2002. Chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích theo quy định.

+ Ngày 21/02/2017, phạm tội trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 04 tháng tù, tại bản án HSST số 204/HSST ngày 13/6/2017, đã chấp hành xong hình phạt tù.

Biện pháp ngăn chặn: Trần Đức M không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xóm T, xã Trung Th, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bị hại:**

Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1991 – Có mặt

TQ: TDP 2, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị V, sinh năm 1954

TQ: xóm T, xã Trung Th, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

(có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Trần Đức M, sinh năm 1980, trú tại xóm T, xã Trung Th, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên là người nghiện ma túy, hiện đang được điều trị thay thế nghiện bằng Methadone tại cộng đồng, buổi sáng ngày 21/02/2017, sau khi M đi uống Methadone tại Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên xong, trên đường đi từ Trung tâm y tế Phổ Yên lên thành phố Thái Nguyên, M điều khiển xe mô tô BKS 20L2 – 5130 (xe mô tô của bà Lê Thị V - mẹ đẻ Trần Đức M cho mượn), khi đi đến khu vực tổ dân phố 2, phường B vào quầy thuốc số 10 của chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1991, nhân viên bán thuốc, lúc này khoảng 8 giờ 40 phút, M vào cửa hàng mua 02 lọ hồ nước với giá 10.000đ, quá trình mua M phát hiện trên mặt kính của tủ thuốc chị N để 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, sau khi mua xong M quay ra cửa lấy xe máy, thấy trong quầy thuốc chị N đi vào nhà trong, không có ai M đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính, M dựng xe máy trước cửa quầy thuốc và nổ máy sẵn, đầu xe quay ra hướng quốc lộ 3, đuôi xe quay về hướng quầy thuốc, M đi vào quầy thuốc dùng tay gỡ bỏ dây sạc, gấp máy tính và ôm trên người đi ra chỗ dựng xe mô tô đang nổ máy, để máy tính ở gác ba ga phía trước xe rồi điều khiển xe lên thành phố Thái Nguyên, M bán máy tính cho người đàn ông không quen biết được 400.000đ, số tiền nêu trên M chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 21/02/2017, trên đường từ TP Thái Nguyên về nhà đến địa phận phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, M tiếp tục trộm cắp chiếc máy tính tại số nhà 387 thuộc Văn phòng Công ty TNHH du lịch Lenvender thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngày 21/02/2017 chị Nguyễn Thị Tuyết N xem lại camera giám sát quầy thuốc phát hiện người lấy trộm tài sản đã có đơn trình báo CQCSĐT công an thị xã Phổ Yên và cung cấp cho CQĐT 01 USB lưu giữ hình ảnh của Trần Đức M thực hiện hành vi trộm cắp chiếc máy tính tại quầy thuốc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KLĐG ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thị xã Phổ Yên kết luận giá trị chiếc máy

tính xách tay hiệu HP Probook 4514 của chị Nguyễn Thị Tuyết Nga là 2.400.000đ. Tài sản không thu hồi lại được.

Về phương tiện dùng để phạm tội: Chiếc xe máy BKS 20L2 – 5130 (xe mô tô của bà Lê Thị V - mẹ đẻ Trần Đức M cho mượn), bà V mua bán xe nhưng chưa đăng ký sở hữu, bà V cũng không biết M dùng để đi phạm tội, CQĐT không thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Đức M và người bị hại chị Nguyễn Thị Tuyết N đã thỏa thuận xong việc bồi thường dân sự, chị N đã nhận số tiền do bị cáo bồi thường 20.000.000đ tại văn bản thỏa thuận lập ngày 10/6/2017 người trả tiền bà Lê Thị V mẹ đẻ Trần Đức M.

2. *Cáo trạng truy tố của VKS:* Tại bản cáo trạng số 93/KSĐT ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố Trần Đức M về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:***

*Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đức M về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản cáo trạng đã thể hiện*

*Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu và nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là phạm tội xong do hám lợi, cụ thể:*

+ Ngày 07/5/2002, phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tại bản án HSPT số 228/HSPT ngày 16/10/2002. Chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích theo quy định.

+ Ngày 21/02/2017, phạm tội trộm cắp tài sản, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 04 tháng tù, tại bản án HSST số 204/HSST ngày 13/6/2017, đã chấp hành xong hình phạt tù.

*Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại khoản 2 Điều 46 BLHS; Theo hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội, thực hiện Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, bị cáo là con của người có công với nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.*

*Tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu.*

*Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Đức Minh từ 6 - 9 tháng tù.*

*\*Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.*

*\*Về TNDS: Bị hại đã nhận bồi thường, tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.*

*\*Án phí và quyền kháng cáo: buộc bị cáo phải chịu án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.*

Ý kiến của của bị cáo: Không đối đáp, tranh luận. Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX cho hưởng lượng khoan hồng với mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa người bị hại nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức án đại diện VKS đề nghị để bị cáo có cơ hội chấp hành án sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Mong HĐXX cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức M không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 191 BLTTHS xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra vụ án và các tài liệu được lưu trong hồ sơ vụ án như: Lời khai người bị hại bút lục số 37, 68 - 72; biên bản giao nộp dữ liệu hình ảnh chứng minh tội phạm bút lục số 47; tập bản ảnh chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo được sao từ camera từ bút lục số 48 – 56; lời khai người có quyền lợi liên quan bút lục số 84 - 85; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường bút lục số 33 - 35 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 8 giờ 40 phút ngày 21/02/2017, tại cửa hàng thuốc số 10, TDP 2, phường B, thị xã Phổ Yên Trần Đức M có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc máy tính xách tay hiệu HP Probook 4514 của chị Nguyễn Thị Tuyết N, là nhân viên bán thuốc để máy tính trên mặt tủ kính quầy thuốc, giá trị chiếc máy tính được Hội đồng định giá xác định giá trị 2.400.000đ, sau khi chiếm đoạt chót lọt, M đem máy tính đến bến xe cũ Thái Nguyên bán được 400.000đ cho người đàn ông không quen biết đi đường để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do đó, không thu hồi lại được tài sản. Việc bị truy cứu trách nhiệm về hành vi phạm tội

nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách lén lút, đem bán chót lọt lấy tiền chi tiêu cá nhân nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

[3]. Bản cáo trạng số: 93/KSĐT ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố Trần Đức M về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự như sau:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”*

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn, hối cải, phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn (giá trị tài sản 2.400.000đ) đã thực hiện bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000đ (tại biên bản thỏa thuận ngày 10/6/2017), nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Cũng tại phiên tòa ngày hôm nay người bị hại có đơn và đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật nên cho BC hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là người có công tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, mẹ đẻ bị cáo bà Lê Thị V`được Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục. Theo hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội, thực hiện Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; công văn số 276/TANDTC – PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, đó là *(người phạm tội là ...con của ... người có công với cách mạng)*.

*Về tình tiết tăng nặng hình phạt:*

Bị cáo Trần Đức M không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 48 BLHS.

[5] Về hình phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, nhận thức đầy đủ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xong vẫn cố tình thực hiện một phần cũng do sự sơ hở và mất cảnh giác của người bị hại. (Cũng

tại phiên tòa ngày hôm nay người bị hại đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng lương khoan hồng do đã thực hiện xong việc bồi thường, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị HĐXX cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội làm người công dân tốt. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, Hội đồng xét xử thấy về nhân thân của bị cáo: Trước đó Ngày 07/5/2002, phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tại bản án HSPT số 228/HSPT ngày 16/10/2002, đã chấp hành hình phạt và các quyết định khác của bản án nên đương nhiên xóa án tích; trong cùng ngày 21/02/2017 bị cáo M liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, hành vi thực hiện sau đã bị xét xử trước và bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án nên không bị coi là có tiền án, mà chỉ đánh giá về nhân thân khi lượng hình. Do vậy, quyết định hình phạt cần thiết phải xử phạt bị cáo tù có thời hạn một thời gian nhất định, tạo điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho cộng đồng và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

Đề nghị mức án của KSV tại phiên tòa là có cơ sở, nên chấp nhận.

[6] Về việc bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn điều tra người bị hại chị Nguyễn Thị Tuyết N cũng xác nhận số tiền bồi thường bị cáo thực hiện xong việc bồi thường dân sự, tại phiên tòa hôm nay không có đề nghị gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Người có quyền lợi liên quan: Tại phiên tòa bà V mẹ đẻ bị cáo M có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng xác định số tiền bồi thường cho người bị hại 20.000.000đ của bà cho bị cáo M, bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. HĐXX không xem xét khi không có yêu cầu.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Đức M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Các vấn đề khác: Đối với phương tiện bị cáo M sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là chiếc xe mô tô BKS BKS 20L2 – 5130 (xe mô tô của bà Lê Thị Vụ - mẹ đẻ Trần Đức M cho mượn), bà V mua bán xe nhưng chưa đăng ký sở hữu, bà V cũng không biết M dùng để đi phạm tội, CQĐT không thu giữ và xử lý là có căn cứ. HĐXX không đề cập vấn đề này

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Đức M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Hình phạt chính:** Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt:

**Trần Đức M 08 (tám)** tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án.

**3. Hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt tiền cho bị cáo

**4. Về bồi thường thiệt hại:** Ghi nhận giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

**5. Án phí:** Căn cứ điều 99 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đức Minh phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước.

**6. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 231, 234 BLTTHS:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại (chị N) tại phiên tòa. Báo cho biết bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người liên quan (bà Lê Thị V), người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Thị hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Hà**

